

Bản án số: 114/2026/HS-ST
Ngày: 13-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Phước và ông Nguyễn Xuân Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trọng Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2026/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/HSSST-QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Viết T, sinh ngày: 10/7/1997 tại thành phố Huế; số căn cước công dân: 046097007437; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố V, phường H, thành phố Huế; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần S và bà Trần Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2025 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Chị Ngô Thị N1, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường D, thành phố Huế (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Anh Trần Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: E Khu Đ, phường D, thành phố Huế. Vắng mặt.

Bà Võ Thị S1, sinh năm 1955; địa chỉ: D Khu Đ, phường D, thành phố Huế. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường D, thành phố Huế. Vắng mặt.

Công ty TNHH X; địa chỉ: Số A hẻm G đường H, phường K, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T1, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Công ty Cổ phần X1; địa chỉ: số I đường T, phường V, thành phố Huế; người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Lê M, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, thành phố Huế. Vắng mặt.

Anh Hồ Quyết M1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 19/5/2025, Trần Viết T rủ Nguyễn Văn H lên thành phố Huế ăn uống tại quán Ga ở địa chỉ số A đường B, phường T, thành phố Huế. Tại đây, T nhắn tin cho chị Ngô Thị N1 đến nhậu cùng thì chị N1 đồng ý và điều khiển xe mô tô 75E1-119.60 (chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Đ) đến ngồi chung với T, H. Tiếp đó, cả nhóm di chuyển tiếp đến quán C ở đường V ăn uống tiếp. Đến khoảng 02 giờ 22 phút, cả nhóm nghỉ nên H điều khiển xe mô tô 75D1-376.19 chở T còn N1 tự mình điều khiển xe mô tô biển số 75E1-119.60. Khi đến cầu V thì T đề nghị T qua chở chị N1 về thì chị N1 đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 75E1-119.60 chở chị N1 lưu thông trên đường P theo hướng từ cầu V đến phường P (nay là phường M, thành phố Huế). Khi đến đoạn đường trước số nhà H đường P, phường V, thành phố Huế là đoạn đường có trục Bắc - Nam hướng cầu V đi P, đường rộng 23m, chia thành hai làn đi ngược chiều, bên phải hướng Võ Dạ đi P rộng 12m, bên trái đi hướng ngược lại rộng 11m. Ở giữa có vạch phân cách màu vàng không liền nét, rộng 0,15m. Đoạn đường trải nhựa bằng phẳng, không bị che khuất tầm nhìn, ở giữa đang tiến hành đào mặt đường nhựa để thi công dải phân cách cứng, hố đào sâu 0,7m, rộng 2,2m, dài 29m, tại vị trí đầu và cuối điểm thi công có đặt chum biển báo nguy hiểm, đi chậm, đường hẹp và có công trường phía trước, có đèn tình hiệu hoạt động bình thường, có hệ thống cọc tiêu để trụ làm bằng bê tông kích thước (0,3x0,3x0,15)m, cọc bằng ống nhựa cao 1,1m, đường kính 5cm, có buộc dây lai phản quang xung quanh cọc. Hai bên đường có phân vỉa hè cao 15 cm so với mặt đường, rộng 6m. Do anh T điều khiển xe mô tô biển số 75E1-119.60 không đi bên phải theo chiều đi của mình; thiếu chú ý quan sát đã để bánh trước và mang bên phải xe mô tô va chạm vào để trụ cọc tiêu làm bằng bê tông, gây tai nạn.

Sau khi xảy ra tai nạn, anh Nguyễn Văn H điều khiển xe đang đi phía sau chứng kiến sự việc và anh Hồ Quyết M1, đi ngang qua phát hiện sự việc nên gọi điện thoại báo lực lượng cấp cứu 115 đến đưa chị N1 và T vào Bệnh viện TW Huế cấp cứu điều trị.

Hậu quả: Chị N1 bị chấn thương sọ não nặng, đến 02 giờ ngày 22/5/2025 thì tử vong; T bị chấn thương sọ não điều trị tại Bệnh viện TW Huế.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

Xác định điểm mốc và các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn, ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí, phương tiện, tang vật, dấu vết: Chọn hướng khám nghiệm từ Bắc - Nam, từ hướng P đi cầu V, lấy mép lề bên

phải theo hướng khám nghiệm làm lề chuẩn, chọn cột điện T- 504/8.4c làm điểm mốc.

Các vị trí được đánh số: (1) xe mô tô 75E1-119.60; (2) vị trí camera; (3) dấu vết cày, mảnh nhựa; (4) trụ bê tông, cọc tiêu bị gãy, dây đai bị đứt phía sau biển cảnh báo. Mô tả chi tiết theo số thứ tự:

(1) Xe mô tô 75E1-119.60 trong tình trạng đậu trên vỉa hè bên phải, dựng chân chống bên, đầu xe quay ra mặt đường Phạm Văn Đ1, trục lốp trước cách lề chuẩn 0,7 m, trục sau cách lề chuẩn 1,8 m, trục trước cách điểm mốc cột điện 6,9m, xe trong trạng thái tắt không hoạt động, ốp nhựa bảo vệ xung quanh và ốp nhựa gầm xe bị trầy xước nứt vỡ.

(2) Vị trí camera màu trắng loại 1 mắt gắn tại góc mái hiên trước nhà 89 Phạm Văn Đ1, cao cách nền vỉa hè 6m, cách điểm mốc cột điện 4m, cách tường trước nhà 89 Phạm Văn Đ1 1,9m, cách trục sau xe mô tô 75E1-119.60 là 7,7 m. Camera trong trạng thái hoạt động bình thường, hướng quét ra vỉa hè trước nhà 89 Phạm Văn Đ1 và một phần hướng ra đường phía công trình đang thi công.

(3) Cụm dấu vết chà xước bám dính chất màu đen và trắng kích thước (0,6x0,23)m và 02 mảnh nhựa kích thước lần lượt là (1x3,5)cm màu trắng (1x2,6)cm màu đen. Vùng dấu vết chà xước chiều hướng từ Bắc - Nam, đậm nhất ở khởi điểm, nhạt dần về phía kết thúc và nằm hoàn toàn về phần đường hướng P đi cầu Võ Dạ cách lề chuẩn 8,1m cách trục bánh trước xe mô tô 75E1-11960 là 11,5 m.

(4) Vùng đồ đặc gồm trụ bê tông, cọc tiêu, cán ống nhựa bị gãy, các đoạn dây đai phản quang bị rách thành từng đoạn, tổng kích thước vùng đồ đặc là (1,1x2,3)m, tâm vùng vỡ đồ đặc cách lề chuẩn 11m, cách vùng dấu vết chà xước đánh số (3) là 9,2m ghi nhận 01 trụ bê tông kích thước (30x30x10)cm mặt ngoài bị nứt vỡ tróc bê tông, bề mặt bám dính chất màu đen kích thước (2x1)cm.

*Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô 75E1-119.60 xác định: Mặt ngoài man xe bên phải: Có vết bám dính chất màu xanh kích thước (5x0,4)cm. Ốp đầu xe gần lỗ chân gương bên trái bị làm xơ mới nhựa kích thước (7x4)cm. Cộng gương chiếu hậu bằng kim loại bên trái bị xước kích thước (1x0,5)cm. Đầu tay cầm bằng kim loại bên trái bị trầy xước kích thước (1x1)cm. Mặt ngoài đầu tay phanh bên trái bị xước kích thước (1,5x1)cm. Viền ngoài ốp mang bên trái bị trầy xơ mới nhựa kích thước (6,5x0,5)cm. Mặt ngoài ốp dưới mang bên trái bị trầy xơ mới nhựa kích thước (4x2)cm. Mặt trên giẻ chắn bùn lốp trước bị trầy xơ mới nhựa kích thước (4x3)cm. Đầu mút tay cầm bên phải bị xước làm sáng kim loại kích thước (1x0,5) cm.

Lốp trước: Mặt bên trái có vết mài mòn làm mới cao su kích thước (20x3)cm; Mặt bên phải vành la zăng bị cong vênh kích thước 5cm, bề mặt lốp cao su có vết trầy, dính chất màu trắng và bụi bê tông. Tấm ốp gầm bị gãy vỡ hoàn toàn.

Tấm ốp nhựa gác chân bị gãy vỡ ở phía bên phải kích thước (20x19)cm. Khung kim loại gầm xe phía bên phải bị trầy xước làm sạch kim loại dính chất màu đen.

Tay cầm bằng kim loại ở đuôi xe phía bên trái bị nứt vỡ và trầy xước làm sáng kim loại kích thước (3x0,5)cm. Trục cố định gác chân phía sau bên phải bị trầy xước làm sáng kim loại kích thước (2x2)cm. Mặt ngoài ốp nhựa bảo vệ ống

xã bị chà xước kích thước (1x0,5)cm. Trục kim loại cố định gác chân sau bên trái bị trầy xước kích thước (2,5x0,5)cm. Cần đạp khởi động bị gạt xuống đầu chân đạp bị xước kim loại kích thước (2x1)cm. Cọc bên phải của chân chống giữa bị xước làm sáng kim loại kích thước (10x2)cm.

Quá trình điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 75E1-119.60.

- 01 (Một) giấy mua bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 75E1-119.60 ngày 21/1/2025.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 011406 mang tên Nguyễn Thị N2 (1992) biển số xe 75E1-119.60 do Công an huyện Q cấp ngày 15/10/2014.

- 01 (một) mảnh chất có sơn màu trắng và đen.

- 01 (một) mảnh chất màu đen.

- 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu hình ảnh thời điểm xảy ra tai nạn giao thông ngày 20/5/2025.

Tại Bản kết luận giám định số 131/2025/KLGĐTT ngày 30/6/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y thành phố Huế, kết luận nguyên nhân chết của Ngô Thị N1:

“1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám nghiệm: Đa chấn thương.

Chấn thương sọ não: Vỡ xương hộp sọ và nền sọ trái, xuất huyết dưới nhện. Chấn thương gãy cung tiếp trái.

Chấn thương ngực: gãy xương đòn trái, cung sau xương sườn 2,3,4 phải, đụng dập nhu mô phổi.

- Kết quả khác: đa xây xát cơ thể.

2. Kết luận:

- Nhận định nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não không hồi phục do tai nạn giao thông.

- Kết luận khác: Các tổn thương trên cơ thể do tác động giữa cơ thể nạn nhân với diện tày rộng, phù hợp ngã tiếp xúc với mặt đường với lực mạnh tạo nên. Thời gian chết: khoảng cận dưới 6 giờ so với thời điểm khám giám định./.”

Tại Bản kết luận giám định số 281/25/KLTTCT ngày 04/7/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y thành phố Huế, kết luận:

“1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+ Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng điều trị nội khoa ổn định, không để lại di chứng: 21%

+ Vỡ nền sọ (vỡ xương bướm và xoang sán): 16%.

+ Gãy xương gò má cung tiếp trái (thành ngoài ổ mắt, không ảnh hưởng thị lực) đã phẫu thuật: 8%.

+ Gãy xương hàm trên trái đã phẫu thuật: 8%.

+ Vết sẹo cung mày mắt trái: 3%.

+ Vết biến đổi sắc tố da dưới mi mắt trái: 0,5%.

+ Chấn thương đụng dập nhãn cầu trái điều trị nội khoa ổn định: 0%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y,

giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Viết T tại thời điểm giám định là: 46% (bốn mươi sáu phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Vật gây, cơ chế hình thành thương tích: tổn thương trên cơ thể Trần Viết T phù hợp tác động tương hỗ với diện tày theo hướng trước sau vào vùng đầu mặt trái.

- Nồng độ cồn trong máu Trần Viết T ghi nhận lúc vào viện ngày 20/5/2025: 195,4mg/100ml máu./."

Ngày 01/7/2025, Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng có Kết luận giám định số 1040/KL-KTHS:

"- 01 (một) mảnh chất có sơn màu trắng và đen ghi thu tại vị trí số (3) ở hiện trường nêu ở mục 1.1 gửi giám định là nhựa, cùng loại với mảnh nhựa có sơn màu trắng đen ghi thu tại đuôi ốp mang chắn gió bên phải của xe mô tô BKS: 75E1-119.60 nêu ở mục 2.2 gửi làm mẫu so sánh.

- 01 (một) mảnh chất màu đen ghi thu tại vị trí số (3) ở hiện trường nêu ở mục 1.1 gửi giám định là nhựa, cùng loại với mảnh nhựa màu đen ghi thu tại ốp gầm bị gãy vỡ của xe mô tô BKS: 75E1-119.60 nêu ở mục 2.1 gửi làm mẫu so sánh."

Tại Bản kết luận giám định số 574/KL-KTHS ngày 28/8/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Huế kết luận:

1. Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 01 tệp video mẫu cần giám định.

2. Trích tách được 41 (bốn mươi một) ảnh tại thời điểm hiển thị trên video: 02 giờ 22 phút 14 giây đến 02 giờ 22 phút 53 giây ngày 20/5/2025 (tương ứng mỗi giây làm 01 ảnh). Chi tiết thể hiện ở phụ lục ảnh kèm theo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 01/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Huế xác định giá trị thiệt hại của xe mô tô 75E1-119.60 là 1.080.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Ngày 05/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu đối với các đồ vật, tài liệu đã tạm giữ trên bằng hình thức trả cho chủ sở hữu.

Đối với 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu hình ảnh thời điểm xảy ra tai nạn giao thông ngày 20/5/2025 (đã được niêm phong). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ quá trình truy tố, xét xử.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình người bị hại Ngô Thị N1 yêu cầu bị cáo bồi thường 235.700.000 đồng. Đến nay, bị cáo Trần Viết T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKSKV1 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đã truy tố bị cáo Trần Viết T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Viết T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Viết T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 và 601 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Viết T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tính mạng bị xâm phạm, bao gồm chi phí cho việc mai táng, tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng, tiền bồi thường tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 105.400.000 đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại và số tiền cấp dưỡng nuôi hai người con của chị N1 là cháu Trần Văn D và Trần Nhật Q1, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho mỗi cháu kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi hai cháu D và Q1 đến tuổi trưởng thành.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu hình ảnh thời điểm xảy ra tai nạn giao thông ngày 20/5/2025 (đã được niêm phong).

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm hại theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng 02 giờ 22 phút ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trước số nhà H đường P, phường V, thành phố Huế, bị cáo Trần Viết T là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự điều khiển xe mô tô biển số 75E1 - 119.60 chở phía sau chị Ngô Thị N1, bị cáo điều khiển xe mô tô trong tình trạng đã sử dụng bia có nồng độ cồn là 195,4mg/100ml máu, không đi về bên phải theo chiều đi của mình nên đã va chạm vào trụ cọc tiêu ở giữa đường. Hành vi của Trần Viết T đã vi phạm vào khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Luật Trật tự,

an toàn giao thông đường bộ. Do đó, bị cáo Trần Viết T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đã truy tố.

[3]. Xét căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự ổn định và trật tự an toàn giao thông, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xét cho bị cáo là không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường một phần thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại; tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại là bà S1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo cũng bị thương tích với tỷ lệ 46% nên cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[4]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu hình ảnh thời điểm xảy ra tai nạn giao thông ngày 20/5/2025 (đã được niêm phong), cần tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Quá trình điều tra đã xác định, bị cáo T là người trực tiếp điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75E1 – 11960, được chị N1 đồng ý và bị cáo đã chở chị N1 lưu thông trên đoạn đường Phạm Văn Đ1 đoạn đường từ Cầu V sang phường M, thành phố Huế; bị cáo là người chiếm hữu, sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 75E1 – 11960 chở chị Ngô Thị N1 rồi đâm vào trụ cọc tiêu đang xây dựng làm bằng bê tông gây tai nạn, hậu quả làm chết một người. Quá trình điều tra xác định tại thời điểm diễn ra sự việc, phía thi công công trình đã áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, cảnh báo đúng quy định, do đó lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo.

Vì vậy, bị cáo T là người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho đại diện hợp pháp của người bị hại.

[6]. Về số tiền yêu cầu bồi thường:

Trong quá trình điều tra, truy tố, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 235.700.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 24 tháng 4 năm 2026 và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản cụ thể như sau:

1. Tiền mua quan tài, các vật dụng khâm liệm, tiền lo cúng tế, ma chay trong 6 ngày diễn

65.700.000 đồng

ra đám tang là

2. Tiền mua đất dựng bia mộ	15.000.000 đồng
3. Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần	25.000.000 đồng
Tổng cộng:	105.700.000 đồng

Ngoài ra, đại diện hợp pháp của bị hại còn yêu cầu bị cáo T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con của chị N1 là Trần Văn D, sinh ngày 20/10/2010 và Trần Nhật Q1, sinh ngày 08/02/2025 với số tiền 1.000.000đ/tháng/1cháu kể từ khi chị N1 chết cho đến khi 02 con của chị N1 đến tuổi trưởng thành.

Bị cáo trình bày, bị cáo cũng bị tổn thương về cơ thể với tỷ lệ tổn thương là 46%, sau khi việc tai nạn diễn ra, bị cáo chưa phục hồi sức khoẻ nên không có công việc và thu nhập; bản thân bị cáo đang sống phụ thuộc vào gia đình, cha của bị cáo bị ung thư giai đoạn cuối. Sau khi tai nạn xảy ra, phía bị cáo, gia đình bị cáo đã thăm hỏi cũng như bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 10.000.000đ đồng. Hiện nay bị cáo không có khả năng kinh tế để bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không thoả thuận được với nhau về vấn đề bồi thường thiệt hại và đều yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét các khoản yêu cầu chi phí trên của phía đại diện hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án do lỗi vô ý và thiệt hại xảy ra quá lớn so với khả năng kinh tế của bị cáo, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giảm mức bồi thường cho bị cáo trong từng mục cụ thể sau đây.

- Đối với khoản tiền chi phí đám tang chị N1, xét thấy: Trong bối cảnh xót thương, trước sự mất mát của người thân, gia đình nạn nhân có lo cúng lễ mai táng cho nạn nhân nhiều với số tiền gia đình kê khai là: Tiền mua quan tài, các vật dụng khâm liệm, tiền lo cúng tế, ma chay trong 6 ngày diễn ra đám tang là 65.700.000 đồng. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật chỉ chấp nhận chi phí hợp lý cho việc mai táng bao gồm các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê phương tiện đưa đám và các khoản chi phí khác phục vụ cho việc chôn cất theo thông lệ chung phù hợp với phong tục tập quán tại địa phương. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống. Vì vậy, trên cơ sở hoàn cảnh, điều kiện kinh tế của bị cáo, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng là 45.000.000 đồng, mặc dù khoản này không có hoá đơn nhưng đây là khoản chi phí hợp lý nên cần chấp nhận.

- Đối với khoản tiền mua đất dựng bia mộ cho chị N1 với số tiền là 15.000.000đ đồng, mặc dù khoản này không có hoá đơn nhưng đây là khoản chi phí hợp lý nên cần chấp nhận.

- Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần: Theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại thì sau khi chị N1 mất, gia đình đã chịu tổn thất lớn lao, suy sụp về tinh thần do đó yêu cầu mức bồi thường là 25.000.000 đồng. Xét thấy, việc người thân thích mất đột ngột là nỗi đau lớn của cả gia đình. Tại khoản 2 Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “... nếu không thoả thuận được thì

mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”. Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường mức bù đắp tổn thất tinh thần 25.000.000 đồng là mức dưới trung bình. Tuy nhiên, do điều kiện và khả năng kinh tế của bị cáo nên chấp nhận với mức 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 2.340.000 đồng x 10 lần = 23.400.000 đồng .

- Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi hai con của chị N1. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại bà Võ Thị S1 là mẹ của chị N1 trình bày hiện nay chồng chị N1 là anh Trần Văn Q đang chấp hành án phạt tù, việc chị N1 mất do tai nạn giao thông ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Bà S1 vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Xét thấy tại thời điểm xảy ra tai nạn, chị N1 là người có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 02 con của chị N1 là Trần Văn D, sinh ngày 20/10/2010 và Trần Nhật Q1, sinh ngày 08/02/2015, nên bà S1 yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi các cháu D, Q1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra bị cáo còn phải bồi thường một lần về khoản tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu D và Q1 kể từ khi chị N1 chết (Ngày 22/5/2025) cho đến ngày xét xử (Ngày 13/5/2026) là 11 tháng 21 ngày. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý là 11 tháng tương đương với số tiền bị cáo phải bồi thường một lần là 1.000.000 đồng x 11 tháng x 02 cháu = 22.000.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường một lần được chấp nhận là:

- Tiền chi phí đám tang chị N1: 45.000.000 đồng;
- Chi phí mua đất dựng bia mộ: 15.000.000 đồng;
- Bồi thường mức bù đắp tổn thất tinh thần: 23.400.000 đồng;
- Bồi thường một lần tiền cấp dưỡng nuôi 02 con từ khi chị N1 chết cho đến ngày xét xử: 22.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 105.400.000 đồng.

Do bị cáo đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 10.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải bồi thường một lần số tiền là: 95.400.000 đồng (105.400.000 đồng - 10.000.000 đồng = 95.400.000 đồng) và khoản tiền cấp dưỡng nuôi hai con của chị N1 là hai cháu D và Q1 mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hai cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Viết T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Viết T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu hình ảnh thời điểm xảy ra tai nạn giao thông ngày 20/5/2025 (đã được niêm phong, kèm theo hồ sơ vụ án).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591 và Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên: Buộc bị cáo Trần Viết T phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho những người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Võ Thị S1, anh Trần Văn Q với tổng số tiền là: 95.400.000 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Trần Viết T tiếp tục có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Trần Văn D, sinh ngày 20/10/2010 và Trần Nhật Q1, sinh ngày 08/02/2015 mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày xét xử (Ngày 13/5/2026) đến khi các cháu D, Q1 trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Viết T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 4.770.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Trại tạm giam/Phân trại tạm giam;
- Công an thành phố Huế;
- Phòng PV06 CA thành phố Huế;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THAHS CA thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Hạnh